

Bản tin chứng khoán

Trong số này

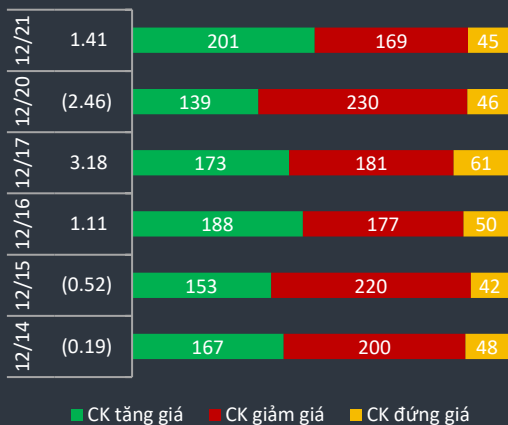
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	264.42
CTG	50.39
VNM	30.41
VRE	24.01
HDB	21.21
DXG	17.66
DPM	15.44
FRT	(30.44)
SSI	(32.13)
TPB	(45.24)
NVL	(47.83)
MSN	(50.61)
HPG	(119.15)

Thị trường vẫn giằng co mạnh khi chỉ số Vnindex chạm mốc 1480. Tiền vào thị trường không mạnh và cũng thận trọng khi giá cổ phiếu trong 2 tuần gần đây diễn biến khó đoán. Sau khi có cú tăng tốc khá tốt phiên sáng lên gần 10 điểm thì buổi chiều chỉ số lại co về gần giá mở cửa. Cổ phiếu ngân hàng trở thành vật cản lớn nhất khi hầu hết cổ phiếu trong ngành đều đỏ lửa. Những mã ngân hàng tăng trưởng tốt nhất giai đoạn trước như TPB, VIB, BID lại là những cổ phiếu rơi mạnh nhất trên -2%. Bank lớn như CTG, TCB, VCB ACB giữ giá tốt nhưng cũng rơi gần -1%. OCB trong ngày cũng giảm nhẹ 1.3% và lui về vùng giá 26.3 là vùng hỗ trợ mạnh trong trung hạn. Nhiều cổ phiếu ngân hàng cũng đã điều chỉnh tương đối từ 5% -10% trong tuần qua.

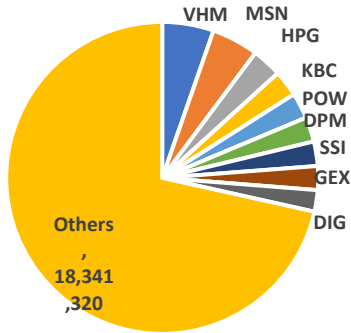
Cổ phiếu bất động sản tiếp tục tạo sóng lớn hôm nay vẫn với những gương mặt quen thuộc DIG, CII, LDG, QCG. Hôm nay có thêm HAG tiếp tục tăng trần và nhóm khu công nghiệp ITA, KBC cũng hút tiền trở lại. Một cổ phiếu trong nhóm ngành nhựa là AAA tăng trần dư mua khi công bố phát hành đầu giá cổ phiếu. Theo đó HĐQT dự kiến trình cổ đông phương án phát hành 100 triệu cổ phiếu ra công chúng theo hình thức đấu giá công khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE). Do đó, giá cổ phiếu AAA sẽ không bị điều chỉnh kỹ thuật sau khi chào bán. Toàn bộ cổ phiếu chào bán theo phương thức đấu giá công khai được tự do chuyển nhượng. Sau phát hành, vốn điều lệ của Nhựa An Phát Xanh có thể tăng lên hơn 4.264 tỷ đồng. Giá khởi điểm bán đầu giá AAA là 12.000 đồng/cp, thấp hơn giá trên sàn khoảng 30%. Sau thông tin công bố giá AAA có thể tiếp tục tạo sóng thêm ít nhất vài phiên nữa.

Cổ phiếu phân bón thu hút mạnh dòng tiền với nhiều cổ phiếu tăng vượt trần như DPM, PSE, PSW. Hầu như tất cả cổ phiếu trong nhóm phân bón đều tăng ít nhất 2% trong ngày. Dù có phân hạ nhiệt nhưng giá phân bón trong nước tiếp tục tăng và duy trì ở mức cao theo xu hướng chung của thị trường thế giới. Theo các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới (World Bank), giá Urê thế giới dự báo sẽ giảm nhẹ vào năm 2022 do giá nguyên liệu đầu vào ở mức vừa phải. Tuy nhiên, giá DAP dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong nửa đầu năm 2022 do nguồn cung thắt chặt, trừ khi các hạn chế xuất khẩu của Trung Quốc được

Vnindex 1,478.74
▲ +1.41 (+0.1%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VHM	86.0	2,500	2.99
MSN	166.6	4,600	2.84
REE	69.0	1,900	2.83
POW	18.7	450	2.47
DHG	130.0	1,500	1.17
VRE	31.4	350	1.13
NVL	116.6	1,300	1.13
BVH	57.0	400	0.71
PNJ	94.8	600	0.64
VJC	122.5	400	0.33
PDR	95.8	300	0.31
GVR	37.7	100	0.27
MBB	28.0	50	0.18
MWG	133.0	-	-
VPB	34.2	-	-
PLX	53.0	-	-
SAB	148.9	(100)	(0.07)
BCM	67.9	(100)	(0.15)
VNM	85.5	(200)	(0.23)
TCB	49.3	(250)	(0.51)
VCB	98.9	(600)	(0.60)
FPT	95.2	(600)	(0.63)
HDB	29.4	(200)	(0.68)
VIC	98.1	(900)	(0.91)
ACB	32.8	(300)	(0.91)
CTG	32.0	(450)	(1.39)
HVN	23.4	(350)	(1.48)
STB	28.2	(450)	(1.57)
HPG	46.1	(800)	(1.71)
BID	43.8	(800)	(1.79)
SSI	52.5	(1,000)	(1.87)
TPB	38.8	(1,000)	(2.51)
GAS	94.0	(2,700)	(2.79)
VIB	44.1	(1,400)	(3.08)



nới lỏng sớm hơn dự đoán. Về hoạt động xuất khẩu, tính chung 11 tháng xuất khẩu phân bón đạt gần 1,2 triệu tấn, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, nhờ giá tăng cao nên kim ngạch xuất khẩu thu về đã tăng tới 40,2%, đạt 442 triệu USD. Ít nhất lợi nhuận của các doanh nghiệp phân bón sẽ tiếp tục khả quan trong quý 4 và đến hết quý 1 năm nay.

Chỉ số Vnindex đóng cửa gần như không thay đổi và sát ngưỡng 1480. Thanh khoản trong ngày ở mức trung bình với khoảng gần 27 ngàn tỷ giao dịch trên sàn HOSE. Trạng thái thị trường vẫn ở giai đoạn trung tính nhưng nghiêng về phía phân phối nhiều hơn. Thị trường có thể chuyển biến bất ngờ trong vài phiên tới nếu có thông tin nhạy cảm xuất hiện. Với các nhịp sóng lên xuống liên tục trong phiên vẫn là cơ hội tốt để nhà đầu tư cơ cấu danh mục theo hướng chốt lãi dần các cổ phiếu đạt mục tiêu ngắn hạn. Các nhóm ngành như ngân hàng vẫn có thể nắm giữ lâu dài, riêng nhóm chứng khoán, phân đạm, thép, BĐS vẫn ưu tiên mua tích lũy ở những nhịp điều chỉnh mạnh.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	49.3	(1.7)	50	75	Mua thêm quanh 48-50	11/24/2021	-10.4%
DPM	53.9	6.7	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	14.7%
DCM	40.1	5.1	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	11.4%
HSG	34.9	(7.3)	35	50	Mua thêm quanh 35-36.	11/23/2021	-3.1%
PET	34.3	4.6	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	22.5%
LCG	22.5	(3.4)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	60.7%
DPR	71.3	(8.0)	57	95	Mua vào quanh 76-78, nắm giữ	9/21/2021	6.4%
GVR	37.7	(1.2)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	28.2%
HCM	45.8	1.6	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	34.7%
VCI	75.3	0.1	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	53.7%
SSI	52.5	(0.4)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	59.1%
MBB	28.0	(1.1)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-3.4%
OCB	26.3	(1.3)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24-25	7/12/2021	14.3%
HPG	46.1	(3.4)	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	2.4%
DGW	122.2	(1.2)	120	150	Nắm giữ. Mục tiêu 150	3/3/2021	144.4%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TCH	6.88
CII	6.88
UDC	6.90
JVC	6.90
DIG	6.90
LCM	6.91
TVB	6.92
LDG	6.92
SAM	6.93
DPM	6.94
TVS	6.94
YEG	7.00
YEG	7.00

Top tăng giá HNX

VGS	3.56
PVG	3.62
NDN	4.21
INC	4.31
VCR	5.06
SCL	5.47
HVA	6.33
PSD	6.33
NHA	6.93
LIG	7.02
PTI	7.77
VE1	8.75
ALT	9.58
PSW	9.62
PVL	9.79
VIT	9.84
PMB	9.88
LDP	9.94
GKM	9.95
PSE	9.95

SGT - CTCP Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn – Đã thông qua phương án phát hành hơn 74 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021.

HHS - CTCP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy - Ngày 22/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức 2020 và cổ phiếu thưởng, ngày đăng ký cuối cùng là 23/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 25:3 (cổ đông sở hữu 25 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu mới. Cổ phiếu thưởng chia theo tỷ lệ 20:1 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới).

DHP - CTCP Điện cơ Hải Phòng - Ngày 05/1/2022 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 06/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 21/1/2022.

SD9 - Công ty cổ phần Sông Đà 9 - Thông báo lùi thời gian thanh toán cổ tức năm 2017 đến 31/12/2022. Được biết, công ty dự kiến trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 10%, tương ứng hơn 34 tỷ đồng cho cổ đông.

AAA - CTCP Nhựa An Phát Xanh - Sẽ chào bán 100 triệu cổ phiếu với giá khởi điểm 12.000 đồng/cp ra công chúng trong năm 2022 theo phương thức đấu giá công khai qua SGDCK TP. Hồ Chí Minh.

JVC - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật - Từ năm 2022, JVC sẽ dần chuyển đổi thành công ty đầu tư chuyên ngành y tế. Theo đó, tên gọi - pháp nhân của JVC cũng sẽ được làm thủ tục chuyển đổi từ CTCP Thiết bị Y tế Việt Nhật thành CTCP Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật để phù hợp hơn với các lĩnh vực mà Công ty sẽ hướng tới.

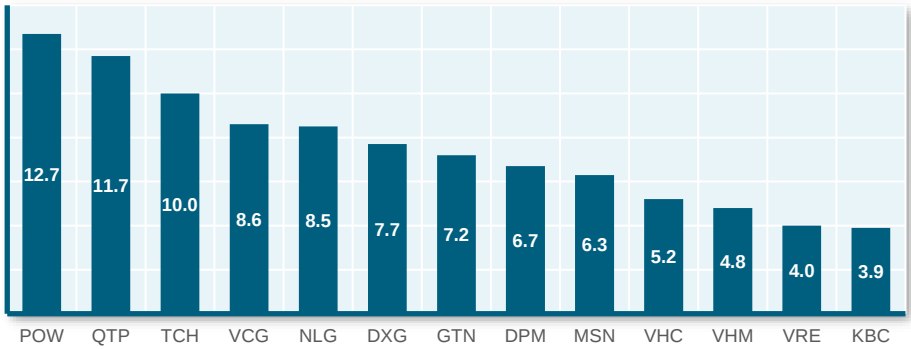
Ngoài ra, Công ty đã thông qua phương án phát hành 20 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho tổ chức, cá nhân trong nước và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Tỷ lệ là 17,8%, giá chào bán là 10.000 đồng/CP, tổng giá trị huy động dự kiến đạt 200 tỷ đồng.

AAV - CTCP Việt Tiên Sơn Địa ốc - Đã mua thêm 6,66 triệu cổ phiếu tại CTCP AAV Land với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng 66,6 tỷ đồng, thời gian thực hiện mua vào từ 30/11 đến 16/12/2021.

NBB - CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy - CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CII), Công ty mẹ đã bán ra 3,1 triệu cổ phiếu NBB từ ngày 24/11 đến 14/12 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Sau giao dịch, CII đã giảm sở hữu tại NBB xuống còn hơn hơn 65,42 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 65,32%.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	34.2	11,683,300	6.8	1.4	-	42,800	151,813	17.35	5,056	24,447
VIB	HOSE	44.1	1,968,700	7.8	3.3	5,800	18,500	68,494	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	98.9	774,100	17.9	3.5	74,800	220,700	366,808	23.66	5,532	28,293
VBB	HNX	17.8	18,974	21.4	1.5	-	-	8,503	-	830	11,579
VAB	HOSE	17.2	587,459	14.4	1.3	-	-	7,653	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	38.8	3,634,600	8.5	2.1	39,800	1,201,700	45,461	29.47	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.3	7,255,100	10.7	2.1	325,600	325,600	172,913	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.2	9,480,400	14.7	1.7	84,200	57,100	53,163	17.44	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.3	1,791,900	22.8	3.2	-	-	58,105	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	21.5	8,089,500	9.8	1.5	6,500	-	45,757	3.23	2,183	14,014
SGB	HNX	18.1	97,633	-	1.5	-	-	5,575	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	31.4	128,129	42.5	2.3	-	25,600	9,420	15.00	739	13,529
OCB	HNX	26.3	3,648,400	6.9	1.5	403,900	103,000	35,959	21.95	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.6	118,651	139.5	2.7	-	-	11,635	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	19.3	365,614	5.7	1.2	11,000	-	9,909	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	26.5	10,647,300	8.1	1.5	-	-	40,479	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.0	6,370,000	7.2	1.4	616,400	411,200	105,604	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.3	5,829,800	8.2	1.5	18,700	-	25,636	3.98	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.9	265,636	11.7	1.7	-	6,300	8,639	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	29.4	3,182,800	7.6	1.7	728,300	10,300	58,571	17.05	3,854	17,399
EIB	HOSE	26.8	565,200	30.7	1.9	5,300	-	32,887	29.63	874	14,061
CTG	HOSE	32.0	6,860,700	7.3	1.3	3,062,100	1,512,900	153,784	25.34	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.8	1,965,362	19.7	1.8	3,300	-	8,370	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	43.8	2,787,700	17.4	2.1	143,200	6,100	176,164	16.72	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.0	39,247	23.2	1.8	-	-	16,569	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.8	2,420,400	7.1	2.2	-	-	88,624	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.0	1,119,431	7.5	1.3	-	-	11,998	30.00	2,801	16,671
			91,696,036	18.66	1.88	5,528,900	3,941,800	1,778,492		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DHP	HNX	5/1/2022	6/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	EAD	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PAI	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	25/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HMH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NTH	HNX	29/12/2021	30/12/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	MH3	UPCoM	28/12/2021	29/12/2021	20/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	ECI	HNX	27/12/2021	28/12/2021	28/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	KPF	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	NVL	HOSE	24/12/2021	27/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:31	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ACL	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	BID	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BID	HOSE	23/12/2021	24/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25.77119312	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	TLD	HOSE	23/12/2021	24/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	VCB	HOSE	22/12/2021	23/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VCB	HOSE	22/12/2021	23/12/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:276	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	VHC	HOSE	21/12/2021	22/12/2021	31/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SDN	HNX	21/12/2021	22/12/2021	7/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HDG	HOSE	21/12/2021	22/12/2021		Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	S4A	HOSE	21/12/2021	22/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VLC	UPCoM	20/12/2021	21/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	TPB	HOSE	20/12/2021	21/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
24	OPC	HOSE	20/12/2021	21/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VPG	HOSE	20/12/2021	21/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 18,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	PAS	UPCoM	17/12/2021	20/12/2021	31/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	DTP	UPCoM	17/12/2021	20/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:33.3333, giá 11,000 đồng/CP	Phát hành thêm
28	VCI	HOSE	17/12/2021	20/12/2021	29/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931